

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	7 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 34

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam (gọi tắt là “ Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần tập đoàn Vexilla Việt Nam tiền thân là Công ty Cổ phần Solavina. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp Công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp 0101612880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/02/2005 với tên gọi ban đầu Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại 249. Năm 2009, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Solavina. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 26/12/2019.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VEXILLA VIET NAM GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên Công ty viết tắt: VEXILLA GROUP., JSC

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội (HNX); Mã cổ phiếu: SVN

Trụ sở chính: Tầng 21, Tòa nhà Friendship, 31 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 18 ngày 26/12/2019 là 210.000.000.000 VND (Hai trăm mười tỷ VND), được chia thành 21.000.000 cổ phần.

Báo cáo tài chính này được tổng hợp từ các Báo cáo tài chính năm 2019 của các đơn vị sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla tại Đắk Lắk;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Kon Tum;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla tại Đắk Nông.

#### ***Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam***

Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0101612880-005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/01/2020.

Địa chỉ: Tầng M, tòa nhà Hồng Hà Center, số 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Chinh, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Giám đốc chi nhánh: Ông Nguyễn Anh Trung.

#### ***Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla tại Đắk Lắk***

Chi nhánh Công ty CP Solavina tại Đắk Lắk (tên cũ) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0101612880-002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 25/04/2017.

Trụ sở chi nhánh tại Số 185 Giải Phóng, Thị trấn Phước An, Huyện Krông Pắc, Đắk Lắk.

Giám đốc chi nhánh: Bà Hoàng Thị Thạo.

#### ***Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla tại Kon Tum***

Chi nhánh Công ty CP Solavina tại Kon Tum (tên cũ) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0101612880-003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 16/05/2017.

Trụ sở chi nhánh tại Thôn Măng Đen, Xã Đắk Long, Huyện Kon Plông, Kon Tum.

Giám đốc chi nhánh: Ông Vũ Trọng Long.

#### ***Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla tại Đắk Nông***

Chi nhánh Công ty CP Solavina tại Đắk Nông (tên cũ) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0101612880-004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 24/05/2017.

Trụ sở chi nhánh tại Tổ 2, đường Nguyễn Tất Thành, Phường Nghĩa Tân, Thị xã Gia Nghĩa, Đắk Nông.

Giám đốc chi nhánh: Ông Nguyễn Đức Cường

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Để phù hợp với hoạt động quản trị của Công ty, Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 23/8/2019 và Đại hội cổ đông bất thường đã đưa ra thông báo thay đổi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty. Theo đó, các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Việt Cường	Chủ tịch HĐQT	28/10/2019	
Ông Nguyễn Anh Trung	Chủ tịch HĐQT	04/09/2019	26/10/2019
Ông Nguyễn Hồng Quang	Chủ tịch HĐQT		04/09/2019
Ông Đậu Phi Thuận	Thành viên HĐQT	26/10/2019	
Ông Michael Marc Lee	Thành viên HĐQT	26/10/2019	
Ông Callum Fraser	Thành viên HĐQT	26/10/2019	
Bà Nguyễn Sương Đào	Thành viên HĐQT	26/10/2019	
Ông Nguyễn Hồng Quang	Thành viên HĐQT	04/09/2019	26/10/2019
Ông Nguyễn Sỹ Cường	Thành viên HĐQT	23/08/2019	26/10/2019
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT	23/08/2019	26/10/2019
Ông Hoàng Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	23/08/2019	26/10/2019
Ông Nguyễn Anh Trung	Thành viên HĐQT	23/08/2019	
Bà Trần Thị Chinh	Thành viên HĐQT		23/08/2019
Ông Lê Trường Sơn	Thành viên HĐQT		23/08/2019
Bà Bùi Thị Ngọc Yến	Thành viên HĐQT		23/08/2019
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên HĐQT		11/06/2019
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>			
Ông Michael Marc Lee	Tổng Giám đốc	11/12/2019	
Ông Nguyễn Anh Trung	Giám đốc Chi nhánh	11/12/2019	
Ông Nguyễn Hồng Quang	Giám đốc	11/06/2019	11/12/2019
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Giám đốc		11/06/2019
<b>Ban Kiểm Soát</b>			
Bà Lý Thị Thu Hương	Trưởng ban kiểm soát		23/08/2019
Ông Cao Đình Huỳnh	Thành viên ban kiểm soát		23/08/2019
Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Thành viên ban kiểm soát		23/08/2019
<b>Kế toán trưởng/ Phụ trách kế toán</b>			
Bà Lương Thị Thu Dung	Phụ trách kế toán	24/12/2019	
Bà Ngô Thị Mai Hương	Phụ trách kế toán	30/10/2019	24/12/2019
Bà Lê Thị Minh Thu	Kế toán trưởng	16/01/2019	30/10/2019
Bà Trần Thị Chinh	Kế toán trưởng		16/01/2019

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng

khóa.

Đại diện pháp luật của Công ty,



**Michael Marc Lee**  
Tổng giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Số: 338/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2019 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam

**Kính gửi: Các Quý cổ đông****Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam, được lập ngày 25 tháng 03 năm 2020, từ trang 7 đến trang 34, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

5126  
IG T  
PHẢI  
DOÀ  
ILL  
NA  
10 C10/1/2020  
10/1/2020  
10/1/2020

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như trình bày tại thuyết minh 5.07 ở phần thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty đầu tư khoảng 103,5 tỷ vào Công ty Cổ phần Cyan để thực hiện dự án Tổ hợp khách sạn và dịch vụ du lịch Cyan. Công ty tin tưởng và kỳ vọng vào khả năng sinh lời từ việc đầu tư vào dự án này, do đó đã ra nghị quyết thu hồi vốn đã đầu tư theo các hợp đồng trước đây để có nguồn tài chính đầu tư vào Công ty Cổ phần Cyan.

**Vấn đề khác**

- Ngày 19/09/2019, Chi cục Thuế quận Đống Đa ra Quyết định số 27544/QĐ-CCT-QLN về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng đối với Công ty Cổ phần tập đoàn Vexilla Việt Nam. Đến ngày 06/12/2019, Chi cục Thuế quận Đống Đa ra thông báo số 37564/TB-CCT-QLN về việc chấm dứt hiệu lực Quyết định 27544/QĐ-CCT-QLN ngày 19/09/2019 và thông báo hóa đơn của Công ty tiếp tục có giá trị sử dụng kể từ ngày 06/12/2019 do Công ty đã chấp hành nộp đủ số tiền nợ thuế, tiền phạt và tiền chậm nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước.
- Ngày 26/6/2019, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã ban hành Thông báo số 697/TB-SGDHN về việc đưa cổ phiếu của Công ty Cổ phần Solavina (mã chứng khoán: SVN) ra khỏi diện bị ngừng giao dịch, chuyển sang diện bị kiểm soát kể từ ngày 28/6/2019. Theo đó, cổ phiếu của Công ty được giao dịch hạn chế vào các phiên thứ Sáu hàng tuần. Đến ngày 22/01/2020, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã ban hành Thông báo số 72/TB-SGDHN về việc đưa cổ phiếu của Công ty Cổ phần tập đoàn Vexilla Việt Nam (tên cũ: Công ty Cổ phần Solavina), (mã chứng khoán: SVN) ra khỏi diện bị kiểm soát, chuyển sang diện bị cảnh báo kể từ ngày 03/02/2020 do đã khắc phục được các nguyên nhân dẫn đến việc chứng khoán bị kiểm soát và không vi phạm qui định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán trong tối thiểu 6 tháng tiếp theo kể từ ngày chứng khoán của Công ty đưa vào diện bị kiểm soát.
- Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi khoản nợ 50 tỷ VND của ông Đoàn Quang Ảnh để trích lập dự phòng tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp; Ngoại trừ tính hiệu quả của việc sử dụng nguồn vốn thu được từ việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty cổ phần Đầu tư Merci Việt Nam cho Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn số tiền 77,53 tỷ VND. Các vấn đề trên đã được Công ty xử lý trong năm 2019 và đầu năm 2020, phần lớn các khoản nợ, các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác đã được thu hồi và đã chuyển sang đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Cyan, số chưa thu hết đang được Công ty tích cực thu hồi, mức độ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính tổng hợp năm 2019 không cao.



**Phan Huy Thăng**  
**Tổng Giám đốc**  
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2018-137-1

**Nguyễn Thị Ngọc Châm**  
**Kiểm toán viên**  
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2980-2019-137-1

Thay mặt và đại diện  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**  
**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network**  
 Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>90.958.645.458</b>	<b>159.238.894.869</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.01</b>	<b>866.148.414</b>	<b>2.368.772.831</b>
1. Tiền	111		866.148.414	2.368.772.831
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>79.208.628.078</b>	<b>146.140.375.784</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	11.884.577.893	77.239.194.888
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.03	65.466.115.810	68.840.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.04	1.857.934.375	61.180.896
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>10.661.505.772</b>	<b>10.677.410.577</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.05	10.661.505.772	10.677.410.577
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>222.363.194</b>	<b>52.335.677</b>
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	5.10	222.363.194	52.335.677
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>132.255.975.751</b>	<b>71.816.813.456</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>308.854.688</b>	<b>76.500.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.04	308.854.688	76.500.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>227.047.968</b>	<b>42.503.956</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.06	227.047.968	42.503.956
- Nguyên giá	222		277.279.929	77.279.929
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.231.961)	(34.775.973)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.07</b>	<b>130.288.480.000</b>	<b>71.340.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		103.488.480.000	27.520.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26.800.000.000	43.820.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>5.08</b>	<b>1.431.593.095</b>	<b>357.809.500</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.431.593.095	357.809.500
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>223.214.621.209</b>	<b>231.055.708.325</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	TM	31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>2.513.361.098</b>	<b>10.430.719.323</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>2.513.361.098</b>	<b>10.430.719.323</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311 5.09	2.084.511.850	7.460.512.500
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 5.10	28.714.964	2.846.788.157
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315 5.11	276.715.618	-
4. Phải trả ngắn hạn khác	319 5.12	106.143.090	106.143.090
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17.275.576	17.275.576
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>220.701.260.111</b>	<b>220.624.989.002</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410 5.13</b>	<b>220.701.260.111</b>	<b>220.624.989.002</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	210.000.000.000	210.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	210.000.000.000	210.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	87.934.868	87.934.868
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	136.465.222	136.465.222
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	10.476.860.021	10.400.588.912
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	10.400.588.912	9.420.243.222
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	76.271.109	980.345.690
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>223.214.621.209</b>	<b>231.055.708.325</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc

Lương Thị Thu Dung

Lương Thị Thu Dung

Michael Marc Lee



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	84.554.903	32.143.840.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		84.554.903	32.143.840.000
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	84.554.903	28.849.675.838
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	3.294.164.162
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.550.419.916	40.226.084
7. Chi phí tài chính	22	6.4	-	48.563.396
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	48.563.396
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	1.469.602.504	1.748.040.801
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>80.817.412</b>	<b>1.537.786.049</b>
11. Thu nhập khác	31		23.150.000	15.600.000
12. Chi phí khác	32		-	573.040.359
13. Lợi nhuận khác	40		23.150.000	(557.440.359)
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>103.967.412</b>	<b>980.345.690</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		27.696.303	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>76.271.109</b>	<b>980.345.690</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3,6	46,7

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Lương Thị Thu Dung

Phụ trách kế toán

Lương Thị Thu Dung



Tổng Giám đốc

Michael Marc Lee

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		76.271.109	980.345.690
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		15.455.988	88.727.262
- Lãi/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.550.419.916)	532.114.275
- Chi phí lãi vay	06		-	48.563.396
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(1.458.692.819)	1.649.750.623
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		66.529.365.501	51.787.740.539
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		15.904.805	1.874.084.644
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(5.099.285.032)	(64.554.224.323)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.073.783.595)	717.956.936
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(48.563.396)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(2.818.073.193)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		56.095.435.667	(8.573.254.977)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(200.000.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	600.000.000
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		-	10.163.000.000
4. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	25		(75.968.480.000)	(36.817.236.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	26		17.020.000.000	35.580.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.550.419.916	40.226.084
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(57.598.060.084)	9.565.990.084
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(700.000.012)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(700.000.012)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.502.624.417)	292.735.095
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.368.772.831	2.076.037.736
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		866.148.414	2.368.772.831

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc

Lương Thị Thu Dung

Lương Thị Thu Dung

Michael Marc Lee



## **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần tập đoàn Vexilla Việt Nam tiền thân là Công ty Cổ phần Solavina. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp Công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp 0101612880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/02/2005 với tên gọi ban đầu Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại 249. Năm 2009, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Solavina. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 26/12/2019.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VEXILLA VIET NAM GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên Công ty viết tắt: VEXILLA GROUP., JSC

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội (HNX); Mã cổ phiếu: SVN

Trụ sở chính: Tầng 21, Tòa nhà Friendship, 31 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 18 ngày 26/12/2019 là 210.000.000.000 VND (Hai trăm mười tỷ VND), được chia thành 21.000.000 cổ phần.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Michael Marc Lee – Tổng Giám đốc.

### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Tư vấn chuyển giao công nghệ giống cây dược liệu, giống cây nông nghiệp
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt: Sản xuất, mua bán giống cây dược liệu, cây gia vị
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (trừ sản xuất hóa chất tại trụ sở)
- Chế biến và bảo quản rau quả
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống: Bán buôn thóc, ngô và các loại ngũ cốc khác; Bán buôn nông, lâm, thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)
- Bán buôn thực phẩm: Bán buôn rau quả; thịt và các sản phẩm từ thịt; thủy sản; cà phê; chè; đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn thực phẩm khác: thực phẩm chức năng, mua bán nguyên liệu sản xuất thực phẩm chức năng, hóa chất sản xuất thực phẩm chức năng (không hoạt động tại trụ sở)
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và bán đá quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ mua bán vàng miếng)
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn quặng kim loại; sắt, thép; Bán buôn kim loại khác; Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác (trừ mua bán vàng miếng) (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: Tổ chức sự kiện, hội nghị, hội thảo, khai trương, trưng bày hàng hóa (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)
- Khai thác khác chưa được phân vào đâu: Khai thác, chế biến, mua bán các loại khoáng sản (Trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm)
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh dịch vụ vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Gia công, chế tạo, lắp đặt các sản phẩm cơ khí, kết cấu kim loại, các thiết bị xây dựng, các cấu kiện cho các công trình công nghiệp và dân dụng
- Chuẩn bị mặt bằng: San lấp mặt bằng
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh dịch vụ khách sạn

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động: Kinh doanh nhà hàng (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở)
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật liệu xây dựng
- Sản xuất linh kiện điện tử
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính
- Sản xuất thiết bị truyền thông
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều kiện điện
- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng
- Sản xuất đồ điện dân dụng
- Sản xuất thiết bị điện khác
- Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)
- Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu
- Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác
- Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động
- Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)
- Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén
- Sản xuất máy thông dụng khác (Trừ sản xuất và lắp ráp điều hòa không khí gia dụng (điều hoà không khí có công suất từ 48.000 BTU trở xuống) sử dụng ga lạnh R22)
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn
- Sửa chữa máy móc, thiết bị
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học
- Sửa chữa thiết bị điện
- Sửa chữa thiết bị khác
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Phá dỡ
- Lắp đặt hệ thống điện
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá (Trừ sản xuất và lắp ráp điều hòa không khí gia dụng (điều hoà không khí có công suất từ 48.000 BTU trở xuống) sử dụng ga lạnh R22)
- Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG tại trụ sở)
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn phân bón; hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động)
- Bán buôn tổng hợp (Trừ bán buôn bình gas, hóa chất, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận
- Cho thuê xe có động cơ
- Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Trừ hàng hóa lỏng khí để vận chuyển)
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa đường hàng không)
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn dược phẩm, thiết bị y tế; dược liệu
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (Trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng)
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
- Đại lý du lịch
- Sản xuất máy chuyên dụng khác: Sản xuất máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu (Trừ sản xuất và lắp ráp điều hòa không khí gia dụng (điều hoà không khí có công suất từ 48.000 BTU trở xuống) sử dụng ga lạnh R22)
- Dịch vụ ăn uống khác
- Nuôi trồng thủy sản biển
- Nuôi trồng thủy sản nội địa
- Chế biến, bán quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ vàng, rác thải, phế liệu)
- Sản xuất sản phẩm khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất thực phẩm chức năng ) (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động)
- Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm
- Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa
- Xây dựng công trình thủy
- Xây dựng công trình khai khoáng
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá hàng hóa)

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; hệ thống sưởi và điều hòa không khí (Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản))
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (Trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
- Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

## 2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Ngoài ra Công ty còn định kỳ lập báo cáo tài chính hàng quý và Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng VND Việt Nam (VND)

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/06/2016 sửa đổi một số điều của thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên phần mềm kế toán.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng VND Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

### Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, tiền gửi có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác**

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

### Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

### **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp .

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ



### Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là nguyên liệu, hàng hóa mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ kinh doanh, các thành phẩm hoàn thành và đang trong quá trình sản xuất dở dang.

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí sản xuất chung phân bổ và chi phí khác (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm. Dự phòng Hàng tồn kho được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

### Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013; Thông tư 147/2016/TT-BTC hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi Thông tư 45/2013/TT-BTC về trích khấu hao tài sản cố định hiệu lực từ 28/11/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC hướng dẫn chế độ, quản lý, sử dụng, và trích khấu hao TSCĐ.

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

### **Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm.

### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn chủ sở hữu hiện nay của Công ty chỉ có cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn, được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi VND thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

### **Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí hợp lý khi tính thuế TNDN theo qui định của Luật thuế hiện hành nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán doanh nghiệp, Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh thu nhập tính thuế làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành là 20% trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người quản lý của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng trong năm các chi nhánh của Công ty không phát sinh doanh thu, chi phí từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ. Do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

1612  
ÔNG  
PH  
ĐO  
XIL  
TN  
H



**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	32.657.961	2.339.800.589
Tiền gửi ngân hàng	833.490.453	28.972.242
<b>Cộng</b>	<b>866.148.414</b>	<b>2.368.772.831</b>

**5.02 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
LIJIAN	-	7.015.080.000
HWANG WEIWEI	-	8.202.000.000
LIANG QIANG	7.237.100.000	7.237.100.000
TIAN HONGBING	3.317.500.000	3.317.500.000
Ông Đoàn Quang Ảnh	-	50.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Bảo Lộc Việt Hà	-	1.467.514.888
Bà Phạm Thị Hằng	1.236.967.500	-
Bà Trần Thị Uyên	93.010.393	-
<b>Cộng</b>	<b>11.884.577.893</b>	<b>77.239.194.888</b>

Ngày 06/01/2020, Công ty đã thu hồi hết khoản nợ của Liang Qiang và Tian Hongbing và đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Cyan.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**

**5.03 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ông Vũ Văn Hòa	2.480.000.000	2.620.000.000
Ông Đỗ Huy Mạc	2.510.000.000	2.660.000.000
Ông Nông Văn Huy	2.490.000.000	2.620.000.000
Bà Đỗ Thị Huế	2.475.000.000	2.610.000.000
Ông Nguyễn Văn Thân	2.225.000.000	2.370.000.000
Ông Trần Văn Khánh	2.530.000.000	2.670.000.000
Bà Lò Thị Nguu	2.470.000.000	2.620.000.000
Ông Trần Huy Bảo	2.070.000.000	2.200.000.000
Bà Lương Thị Vân	2.515.000.000	2.640.000.000
Ông Vũ Thành Bảo	2.255.000.000	2.410.000.000
Ông Phùng Quang Hợp	2.480.000.000	2.620.000.000
Ông Đồng Văn Quang	3.930.000.000	4.120.000.000
Ông Võ Văn Cường	3.540.000.000	3.980.000.000
Ông Nguyễn Văn Trang	4.000.000.000	4.180.000.000
Bà Trần Thị Hoa	7.910.000.000	8.100.000.000
Ông Dương Văn Phương	3.840.000.000	4.050.000.000
Bà Nguyễn Thị Thân	3.900.000.000	4.120.000.000
Bà Dương Thị Huế	3.800.000.000	4.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Ninh	3.810.000.000	4.000.000.000
Ông Nông Tiến Kiến	3.820.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH CZ Slovakia Việt Nam	416.115.810	-
Các đối tượng khác	-	250.000.000
<b>Cộng (*)</b>	<b>65.466.115.810</b>	<b>68.840.000.000</b>

(\*) Công ty ký các hợp đồng hợp tác trồng và bao tiêu sản phẩm cây nghệ với các cá nhân và đã tạm ứng bằng tiền mặt cho các cá nhân trên. Công ty thỏa thuận bao tiêu thu mua sản phẩm nghệ là nguyên liệu đầu vào phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngày 25/12/2019, Hội đồng quản trị ra nghị quyết 2512/2019/NQ-HĐQT về việc thu hồi các khoản tạm ứng, ứng trước tiền mua hàng tại Công ty và các Chi nhánh của Công ty đối với các hợp đồng không đem lại hiệu quả kinh tế cao. Tính đến thời điểm 20/3/2020, Công ty đã thu được 59.823.801.000 VND, số còn lại đang được Công ty đôn đốc thu hồi, có đối chiếu xác nhận nợ. Số tiền thu được Công ty thực hiện góp vốn vào Công ty Cổ phần Cyan.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**

**5.04 Phải thu khác**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.857.934.375</b>	<b>61.180.896</b>
Tạm ứng công tác	-	32.186.656
Lợi nhuận từ hợp tác đầu tư với đơn vị khác (*)	799.500.000	-
Phải thu của ông Nguyễn Hồng Quang (**)	1.058.434.375	28.994.240
<b>Dài hạn</b>	<b>308.854.688</b>	<b>76.500.000</b>
Ký quỹ, ký cược	308.854.688	76.500.000
<b>Cộng</b>	<b>2.166.789.063</b>	<b>137.680.896</b>

(\*) Khoản lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CP Đầu tư Thương mại Thanh Thủy, thực hiện đầu tư vào Dự án “Xây dựng nhà máy phát triển Dược liệu Việt” theo Hợp đồng số 01/1203/2019/HĐHT/TT-SOLA ngày 12/03/2019. Do đánh giá Dự án không đem lại hiệu quả, ngày 25/12/2019, Hội đồng quản trị ra nghị quyết 2512/2019/NQ-HĐQT về việc thu hồi vốn hợp tác đầu tư với Công ty CP Đầu tư Thương mại Thanh Thủy. Hai bên đã thanh lý hợp đồng trên và xác định lợi nhuận thu được từ việc đầu tư trên là 800.000.000 VND. Công ty đã thu hồi ngay 50 tỷ VND vốn gốc và 500.000VND tiền lãi, sau đó chuyển góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Cyan để thực hiện dự án Tổ hợp khách sạn và Dịch vụ du lịch Cyan. Hiện tại, Dự án đang được triển khai giai đoạn đầu, đã được phê duyệt và được cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Ngày 20/3/2020, Công ty Thanh Thủy đã trả nốt số lợi nhuận còn lại 799.500.000 VND cho Công ty.

(\*\*) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 11.10/2019/BB-HĐQT ngày 11/10/2019, Hội đồng quản trị thống nhất về việc xử lý nợ cũ, giao ông Nguyễn Hồng Quang trực tiếp phụ trách và tiếp tục xử lý các khoản công nợ, nghĩa vụ về thuế của Công ty còn tồn tại từ thời điểm 11/10/2019 trở về trước, riêng các khoản thuế phải hoàn thành trước ngày 31/10/2019. Trong năm Công ty đã thực hiện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp quá hạn số tiền 2,6 tỷ VND.

**5.05 Hàng tồn kho**

	Đơn vị: VND			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu, dược liệu	-	-	84.554.903	-
Công cụ, dụng cụ	66.842.958	-	66.842.958	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở	1.647.456.718	-	1.578.806.620	-
Thành phẩm	337.076.457	-	337.076.457	-
Hàng hóa	8.610.129.639	-	8.610.129.639	-
Thép xây dựng	4.727.508.723	-	4.727.508.723	-
Quặng đồng (20%)	3.426.620.916	-	3.426.620.916	-
Cu cu mìn	456.000.000	-	456.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>10.661.505.772</b>	<b>-</b>	<b>10.677.410.577</b>	<b>-</b>

(\*) Hàng tồn kho của công ty phần lớn là giá trị sắt thép, quặng đồng. Phần dược liệu có tỷ trọng nhỏ trong số hàng tồn kho còn tồn. Công ty đã thực hiện kiểm kê tại ngày 31/12/2019 và đánh giá hàng tồn kho vẫn đảm bảo chất lượng. Đầu năm 2020, Công ty đã bán một số hàng hóa, công cụ dụng cụ tồn kho, giá bán được xác định không thấp hơn giá trị ghi sổ. Do đó Công ty chưa cần thiết phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**

**5.06 Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị : VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2019	77.279.929	-	77.279.929
Tăng trong năm	-	200.000.000	200.000.000
Mua trong năm	-	200.000.000	200.000.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	<u>77.279.929</u>	<u>200.000.000</u>	<u>277.279.929</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2019	34.775.973	-	34.775.973
Tăng trong năm	-	15.455.988	15.455.988
Khấu hao trong năm	-	15.455.988	15.455.988
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	<u>34.775.973</u>	<u>15.455.988</u>	<u>50.231.961</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2019	<u>42.503.956</u>	<u>-</u>	<u>42.503.956</u>
Tại ngày 31/12/2019	<u>42.503.956</u>	<u>184.544.012</u>	<u>227.047.968</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MÁU B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÁN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

5.07 Đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết	-	-	27.520.000.000	27.520.000.000
Công ty CP Dược liệu Solavina Hòa Bình (1)	-	-	27.520.000.000	27.520.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác	130.288.480.000	130.288.480.000	43.820.000.000	43.820.000.000
Công ty CP Gang thép Công nghiệp Việt Nam (2)	26.800.000.000	26.800.000.000	36.800.000.000	36.800.000.000
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Việt Nhật (3)	-	-	3.420.000.000	3.420.000.000
Công ty Cổ phần Thủy sản Sông Công (4)	-	-	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty Cổ phần Cyan (5)	103.488.480.000	103.488.480.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>130.288.480.000</b>	<b>130.288.480.000</b>	<b>71.340.000.000</b>	<b>71.340.000.000</b>

(1) Căn cứ Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 02/2019/HĐCN/SVN-HB ngày 27/12/2019 bên bán là Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam và bên mua là ông Nguyễn Mạnh Cường thỏa thuận mua bán cổ phần của Công ty Cổ phần Dược liệu Solavina Hòa Bình. Giá bán cổ phần 10.200 VND/ cổ phần. Tổng số cổ phần mua bán 1.000.000 cổ phần. Tổng giá trị Hợp đồng 10.200.000.000 VND.

(2) Căn cứ Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2019/HĐCN/SVN-HB ngày 27/12/2019 bên bán là Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam và bên mua là ông Đỗ Trường Sơn thỏa thuận mua bán cổ phần của Công ty Cổ phần Dược liệu Solavina Hòa Bình. Giá bán cổ phần 10.200 VND/ cổ phần. Tổng số cổ phần mua bán 1.752.000 cổ phần. Tổng giá trị Hợp đồng 17.870.400.000 VND.

(2) Căn cứ Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 03/2019/HĐCN/SVN-GTCNVN ngày 27/12/2019 bên bán là Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam và bên mua là bà Lê Thị Minh Thu thỏa thuận mua bán cổ phần của Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam. Giá bán cổ phần 102.000 VND/cổ phần, mệnh giá 100.000VND/cổ phần. Tổng số cổ phần mua bán 100.000 cổ phần. Tổng giá trị Hợp đồng 10.200.000.000 VND.

Ngày 02/01/2020, Công ty đã ký Hợp đồng số 01/2020/HĐCN/SVN\_GTCNVN về việc Công ty CP Tập đoàn Vexilla Việt Nam chuyển nhượng 268.000 cổ phần đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam cho Ông Nguyễn Đức Tùng với giá chuyển nhượng 102.000 VND/cổ phần, tổng giá trị chuyển nhượng 27.336.000.000 đồng, số tiền thu được ngày 06/01/2020 được Công ty chuyển góp vốn vào Công ty Cổ phần Cyan.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA VIỆT NAM

Tầng 21, Tòa nhà Friendship, 31 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

- (3) Căn cứ Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 05/2019/HĐCN/SVN-NNVN ngày 27/12/2019 bên bán là Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam và bên mua là bà Phạm Thị Hằng thỏa thuận mua bán cổ phần của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Việt Nhật. Giá bán cổ phần 10.000 VND/ cổ phần. Tổng số cổ phần mua bán 342.000 cổ phần. Tổng giá trị Hợp đồng 3.420.000.000 VND.
- (4) Căn cứ Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 04/2019/HĐCN/SVN-TSSC ngày 27/12/2019 bên bán là Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam và bên mua là Vũ Văn Tình thỏa thuận mua bán cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy sản Sông Công. Giá bán cổ phần 10.000 VND/ cổ phần. Tổng số cổ phần mua bán 360.000 cổ phần. Tổng giá trị Hợp đồng 3.600.000.000 VND
- (5) Công ty cổ phần Cyan là doanh nghiệp dự án được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 29/11/2019 với mã số doanh nghiệp 4001195461. Công ty Cổ phần Cyan và Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Lũng Lô 5 là hai nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án “Tổ hợp khách sạn và Dịch vụ du lịch Cyan”. Dự án được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 6273526147, cấp lần đầu ngày 15/9/2010, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 11/12/2019. Địa điểm thực hiện dự án tại khối Hà My Đông B, đường du lịch ven biển, phường Điện Dương, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Diện tích đất sử dụng cho dự án khoảng 17,6 ha với tổng mức đầu tư 2.259 tỷ VND, trong đó Công ty Cổ phần Cyan góp 490 tỷ VND, chiếm 21,71% tổng vốn đầu tư. Thời hạn hoạt động của dự án là 50 năm kể từ ngày 15/09/2010.

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 2512/2019/NQ-HĐQT ngày 25/12/2019, công ty đã thu hồi các khoản tạm ứng, ứng trước tiền mua hàng tại Công ty và các Chi nhánh của Công ty đối với các hợp đồng không đem lại hiệu quả kinh tế cao để có nguồn vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Cyan.



**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**

**5.08 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	99.761.007	6.385.034
Chi phí thương hiệu	704.504.383	137.300.196
Chi phí trả trước dài hạn khác	627.327.705	214.124.270
<b>Cộng</b>	<b>1.431.593.095</b>	<b>357.809.500</b>

**5.09 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Đất Krông Buk	453.900.000	453.900.000	453.900.000	453.900.000
Đất Ea Yêng	323.000.000	323.000.000	323.000.000	323.000.000
Đất Ea Kly	112.200.000	112.200.000	112.200.000	112.200.000
Đất Buôn Đông	170.000.000	170.000.000	170.000.000	170.000.000
Vũ Văn Tình	446.640.000	446.640.000	4.046.640.000	4.046.640.000
Phạm Thị Hằng	-	-	2.183.032.500	2.183.032.500
Nguyễn Thị Hiên	130.400.000	130.400.000	130.400.000	130.400.000
Công ty TNHH Đầu tư thương mại và Du lịch quốc tế Hòa bình	78.031.000	78.031.000	-	-
Công ty TNHH Kiến trúc và Quảng cáo Kiến Việt	139.869.600	139.869.600	-	-
Phải trả người bán khác	230.471.250	230.471.250	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.084.511.850</b>	<b>2.084.511.850</b>	<b>7.460.512.500</b>	<b>7.460.512.500</b>

**5.10 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Số dư tại ngày	Số dư tại ngày	Số dư tại ngày	Số dư tại ngày
<b>Phải nộp</b>	<b>2.846.788.157</b>	<b>27.696.303</b>	<b>2.845.769.496</b>	<b>28.714.964</b>
Thuế giá trị gia tăng	44.069.971	-	44.069.971	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.603.540.190	27.696.303	2.602.521.529	28.714.964
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	199.177.996	-	199.177.996	-
<b>Số phải thu</b>	<b>52.335.677</b>	<b>170.027.517</b>	<b>-</b>	<b>222.363.194</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	52.335.677	170.027.517	-	222.363.194

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**

**5.11 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng	167.624.709	-
Chi phí phải trả khác	109.090.909	-
<b>Cộng</b>	<b>276.715.618</b>	<b>-</b>

**5.12 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	39.710.450	39.710.450
Bảo hiểm xã hội	7.247.603	7.247.603
Bảo hiểm y tế	858.684	858.684
Bảo hiểm thất nghiệp	326.353	326.353
Phải trả khác ngắn hạn khác	58.000.000	58.000.000
<b>Cộng</b>	<b>106.143.090</b>	<b>106.143.090</b>

86/Y/N/NAM/2019

T  
H  
T  
C  
I  
E  
T

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

5.13 Vốn chủ sở hữu.

a. Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị: VND Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2018	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	9.420.243.222	219.644.643.312
Tăng trong năm	-	-	-	980.345.690	980.345.690
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	980.345.690	980.345.690
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2018	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	10.400.588.912	220.624.989.002
Số dư tại ngày 01/01/2019	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	10.400.588.912	220.624.989.002
Tăng trong năm	-	-	-	76.271.109	76.271.109
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	76.271.109	76.271.109
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	10.476.860.021	220.701.260.111



**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**

**5.13 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

*b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	31/12/2019		01/01/2019	
	Vốn góp VND	Tỷ lệ sở hữu	Vốn góp VND	Tỷ lệ sở hữu
Vốn góp của các cổ đông	210.000.000.000	100%	210.000.000.000	100%
<b>Cộng</b>	<b>210.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>210.000.000.000</b>	<b>100%</b>

*c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	210.000.000.000	210.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	210.000.000.000	210.000.000.000
<b>Phân phối lợi nhuận sau thuế</b>	-	-

*d. Cổ phiếu*

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>21.000.000</b>	<b>21.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>21.000.000</b>	<b>21.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>21.000.000</b>	<b>21.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

(\*) Ngày 22/01/2020, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã ban hành Thông báo số 72/TB-SGDHN về việc đưa cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam (mã chứng khoán: SVN) ra khỏi diện bị kiểm soát, chuyển sang diện bị cảnh báo kể từ ngày 03/02/2020 do đã khắc phục được các nguyên nhân dẫn đến việc chứng khoán bị kiểm soát và không vi phạm qui định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán trong tối thiểu 6 tháng tiếp theo kể từ ngày chứng khoán của Công ty đưa vào diện bị kiểm soát.

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

**6.01 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	84.554.903	32.143.840.000
<b>Cộng</b>	<b>84.554.903</b>	<b>32.143.840.000</b>

**6.02 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn của hàng bán	84.554.903	28.849.675.838
<b>Cộng</b>	<b>84.554.903</b>	<b>28.849.675.838</b>

**6.03 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi	19.916	40.226.084
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần	750.400.000	-
Lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CP Đầu tư TM Thanh Thủy	800.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.550.419.916</b>	<b>40.226.084</b>

**6.04 Chi phí tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lãi tiền vay	-	48.563.396
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>48.563.396</b>

**6.05 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	405.000.000	1.004.710.919
Chi phí đồ dùng văn phòng	95.177.652	75.890.230
Chi phí khấu hao TSCĐ	15.455.988	73.271.274
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	2.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	782.062.650	546.184.534
Chi phí bằng tiền khác	166.906.214	45.983.844
<b>Cộng</b>	<b>1.469.602.504</b>	<b>1.748.040.801</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

**6.06 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu	84.554.903
Chi phí nhân công	405.000.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	15.455.988
Chi phí dịch vụ mua ngoài	782.062.650
Chi phí bằng tiền khác	251.179.061
<b>Cộng</b>	<b>1.538.252.602</b>

**6.07 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>103.967.412</b>	<b>980.345.690</b>
Điều chỉnh tăng các chi phí không được trừ	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>103.967.412</b>	<b>980.345.690</b>
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm - thu nhập được miễn thuế	-	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>103.967.412</b>	<b>980.345.690</b>
<b>Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>27.696.303</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>76.271.109</b>	<b>980.345.690</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.01 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc Công ty, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp năm kết thúc ngày 31/12/2019.

**7.02 Hoạt động liên tục**

Năm 2019, Công ty không phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh mà quyết định tập trung nguồn lực đầu tư vào Công ty Cổ phần Cyan, thực hiện triển khai dự án “Tổ hợp khách sạn và Dịch vụ du lịch Cyan”. Dự án đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ 3 ngày 11/12/2019; được UBND tỉnh Quảng Nam ký Quyết định phê duyệt điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) của dự án. Công ty tin tưởng và kỳ vọng vào khả năng sinh lời từ việc đầu tư vào dự án này. Do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận thấy không có những điều không chắc chắn liên quan đến các sự kiện hoặc các điều kiện có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở giả định là doanh nghiệp đang hoạt động và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai.



7. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

7.03 Thông tin với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cyan	Góp vốn đầu tư
Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam	Góp vốn đầu tư
Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

7.04 Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	866.148.414	2.368.772.831
Phải thu khách hàng	11.884.577.893	77.239.194.888
Phải thu khác	2.166.789.063	137.680.896
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	130.288.480.000	71.340.000.000
<b>Cộng</b>	<b>144.339.846.956</b>	<b>151.085.648.615</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán	2.084.511.850	7.460.512.500
Chi phí phải trả	276.715.618	-
Phải trả khác	106.143.090	106.143.090
<b>Cộng</b>	<b>2.467.370.558</b>	<b>7.566.655.590</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán, do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá trị cổ phiếu đầu tư mua của Công ty chưa niêm yết được ghi nhận theo mệnh giá đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá hàng hóa nguyên liệu đầu vào, tỷ giá hối đoái, lãi suất và các chủ trương chính sách của Nhà Nước.

**Quản lý rủi ro về tỷ giá**

Các giao dịch của Công ty chủ yếu phát bằng VND nên Công ty không gặp rủi ro khi có sự biến động về tỷ giá.

**Quản lý rủi ro về lãi suất**

Trong năm, Công ty không phát sinh nghiệp vụ vay nợ và tại ngày 31/12/2019 cũng không có số dư vay. Do đó khi lãi suất trên thị trường có sự điều chỉnh cũng không gây ra rủi ro đáng kể cho Công ty.

7. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

7.04 Công cụ tài chính (tiếp theo)

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi có khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Rủi ro tín dụng của Công ty phát sinh từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư dài hạn vào đơn vị khác). Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ kế toán đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã thoả thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

	31/12/2019		Cộng VND
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	866.148.414	-	866.148.414
Phải thu khách hàng	11.575.723.205	-	11.575.723.205
Phải thu khác	2.166.789.063	308.854.688	2.475.643.751
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		130.288.480.000	130.288.480.000
<b>Cộng</b>	<b>14.608.660.682</b>	<b>130.597.334.688</b>	<b>145.205.995.370</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Phải trả người bán	2.084.511.850	-	2.084.511.850
Chi phí phải trả	276.715.618	-	276.715.618
Phải trả khác	106.143.090	-	106.143.090
<b>Cộng</b>	<b>2.467.370.558</b>	<b>-</b>	<b>2.467.370.558</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>12.141.290.124</b>	<b>130.597.334.688</b>	<b>142.738.624.812</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

7.05 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA). Báo cáo kiểm toán đưa ra ý kiến ngoại trừ ở các vấn đề sau:

- Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi khoản nợ 50 tỷ VND của ông Đoàn Quang Ảnh để trích lập dự phòng tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Tính hiệu quả của việc sử dụng nguồn vốn thu được từ việc chuyển nhượng cổ phần (của Công ty cổ phần Đầu tư Merci Việt Nam) cho Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn số tiền 77,53 tỷ VND. Công ty đã đầu tư 32,66 tỷ VND vào Công ty Cổ phần Dược liệu Solavina Hòa Bình, chuyển 43,312 tỷ VND vào 3 chi nhánh của mình. Các đơn vị này đã dùng khoản tiền trên để ký hợp đồng hợp tác trồng và bao tiêu sản phẩm cây nghệ với nhiều cá nhân và đã tạm ứng cho họ bằng tiền mặt.

Các vấn đề trên đã được Công ty xử lý trong năm 2019 và đầu năm 2020, khoản ứng trước cho người bán đã thu hồi được 91%, các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác đã được thu hồi toàn bộ và chuyển sang đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Cyan, số chưa thu hết đang được Công ty tích cực thu hồi, mức độ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính tổng hợp năm 2019 không cao.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu



Lương Thị Thu Dung

Phụ trách kế toán



Lương Thị Thu Dung



Tổng Giám đốc



Michael Marc Lee

